



THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC TẬP NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM LẦN HAI CHO SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Trần Kim Tuyền*

Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy, bài viết đã đánh giá được thực trạng về thời lượng, địa bàn và nội dung yêu cầu cho công tác thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2 cho sinh viên Ngành Giáo dục thể chất (GDTC) Trường Đại học Thể dục thể thao (TDTT) Bắc Ninh.

Từ khóa: Thực tập nghiệp vụ sư phạm, lần hai, Ngành GDTC, Đại học TDTT Bắc Ninh.

The current situation of the second educational internship of students from Bac Ninh Sport University

Summary:

Using the methods of regular scientific research, the article has assessed the status of the time, venue and content of the second internship of the students majoring in Physical Education at Bac Ninh Sport University.

Keywords: Internship, educational, Second, Physical Education, Bac Ninh Sport University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tập nghiệp vụ sư phạm (TTNVSP) là điều kiện cần thiết để hình thành khuynh hướng nghề nghiệp sư phạm, hình thành nhân cách của người giáo viên tương lai. TTNVSP giúp sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực tiễn, đồng thời được tiếp cận với công việc của người giáo viên.

Trong những năm gần đây, các kỳ TTNVSP, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã tổ chức cho sinh viên về thực tập tại các trường học phổ thông khu vực phía Bắc. Bên cạnh những kết quả đạt được bước đầu, quá trình TTNVSP của sinh viên cũng bộc lộ nhiều mặt hạn chế, tồn tại mà cho đến nay, chưa có bất kỳ một tác giả hoặc công trình khoa học nào nghiên cứu. Với mong muốn được góp sức mình vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động TTNVSP cho sinh viên Ngành GDTC, chúng tôi bước đầu đánh giá công tác TTNVSP lần 2 cho sinh viên, tạo tiền đề cho việc lựa chọn biện pháp nâng cao hiệu quả TTNVSP lần 2 cho sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng kế hoạch thực tập nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngành GDTC

1.1. Mục tiêu:

TTNVSP là hoạt động giúp sinh viên làm quen với nghề sư phạm. Thông qua TTNVSP các nội dung chuyên môn, nghiệp vụ mà sinh viên đã tiếp thu được đem thử nghiệm vào thực tế giảng dạy và giáo dục, vì thế TTNVSP được coi là khâu chuyển giao giữa lý luận và thực tiễn, giữa kiến thức học tập trong nhà trường và công việc thực tế mà sinh viên sẽ làm sau này. Đồng thời, TTNVSP giúp cho sinh viên Ngành GDTC có dịp nhìn nhận đánh giá lại những kiến thức, kỹ năng mà mình đã học được, trên cơ sở đó tiếp tục hoàn thiện trình độ, năng lực cũng

*TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh; Email: kt75psilat@gmail.com

như nhân cách của một người giáo viên. Thời điểm TTNVSP cũng là thời điểm sinh viên hình thành rõ nhất tình cảm và thái độ đối với nghề giáo. Nếu được thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả, TTNVSP sẽ có tác dụng rất lớn không chỉ trên phương diện chuyên môn nghiệp vụ mà còn giúp xây đắp, phát triển tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, làm họ thêm yêu nghề.

1.2. Phân phối thời gian thực tập nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

** Thời điểm thực tập nghiệp vụ sư phạm*

Thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo, từ năm 2012 đến nay sinh viên các khóa Đại học của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được tổ chức đi TTNVSP 2 lần.

Thời điểm TTNVSP lần 1 được tổ chức vào tháng 2 hoặc tháng 3 (đầu học kỳ 6).

Thời điểm TTNVSP lần 2 được tổ chức vào tháng 2 và 3 hàng năm (đầu kỳ 8).

** Thời lượng kiến tập và thực tập sư phạm*

Theo chương trình đào tạo, thời lượng dành cho hoạt động TTNVSP lần 1 là 4 tuần, TTNVSP lần 2 là 10 tuần.

** Yêu cầu:* Sinh viên trước khi đi thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2 phải hoàn thành kỳ thực tập lần 1.

** Công tác chuẩn bị cho sinh viên trước khi đi TTNVSP:*

Trước khi đưa sinh viên về cơ sở thực tập, khoa GDTC sẽ có hai buổi tập huấn nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các đoàn gồm: Tập huấn về nội quy, qui định tại các trường phổ thông và Tập huấn về nội dung, các biểu mẫu cần thiết trong quá trình thực tập. Đây là một trong những khâu chuẩn bị quan trọng, giúp sinh viên có sự chuẩn bị tốt về nội dung và tinh thần trước khi về cơ sở thực tập.

1.3. Địa bàn thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2

Trong những năm gần đây, địa điểm thực tập của sinh viên Ngành GDTC là các trường phổ thông trên địa bàn các tỉnh phía Bắc. Địa điểm cụ thể được trình bày ở bảng 1.

Với số lượng sinh viên dưới 300 người thì số lượng các lớp của 23 trường phổ thông trên là phù hợp với điều kiện tổ chức hoạt động TTNVSP cho sinh viên. Tuy nhiên, nếu số

lượng sinh viên trên 300 người thì tỷ lệ sinh viên trên một lớp là quá đông. Điều đó sẽ làm hạn

Bảng 1. Bảng tổng hợp các cơ sở thực tập nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngành GDTC (khóa Đại học 50)

TT	Cơ sở thực tập	Số lượng SV	Số lượng trường
1	Sở GD&ĐT Hải Dương	60	3
2	Sở GD&ĐT Bắc Ninh	66	3
3	Sở GD&ĐT Vĩnh Phúc	65	3
4	Sở GD&ĐT Bắc Giang	52	3
5	Sở GD &ĐT Quảng Ninh	38	3
6	Sở GD &ĐT Hòa Bình	45	3
7	Trung Quốc	8	2
8	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	9	1
9	Sơn La	1	1
10	CLB BĐ Phù Đổng	1	1
Tổng cộng		345	23

chế chất lượng và hiệu quả TTNVSP.

2. Nội dung thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2 của sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn, phân tích và tổng hợp tài liệu cho thấy nội dung TTNVSP của sinh viên các khoá 49, 50 bao gồm: 9 nội dung

Các nội dung trên phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo và Quy chế về Thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định Số: 36/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 01 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Qua phân tích và tổng hợp tài liệu lưu trữ tại khoa GDTC chúng tôi đã có được số liệu về thời gian và tỷ lệ % dành cho các nội dung thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2, được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ thời gian nhiều nhất dành cho nội dung dự giờ lên lớp mẫu (53.3%), tiếp đến là Tổ chức hoạt động TDTT ngoại khoá (33.3%) và Trực tiếp giảng dạy môn học Thẻ đục (26.7%). Theo chúng tôi, tỷ lệ thời gian dành cho các nội dung như vậy là chưa hợp lý mà cần thiết phải tăng thời gian dành cho nội

**Bảng 2. Thống kê tỷ lệ thời gian thực hiện các nội dung TTNVSP lần 2 (n=60)**

TT	Nội dung	Số buổi	Tỷ lệ %
1	Tìm hiểu thực tế giáo dục	6	10.00
2	Dự giờ lên lớp mẫu	32	53.30
3	Biên soạn tài liệu và tham gia trợ giảng	8	13.30
4	Tham gia công tác chủ nhiệm	10	16.70
5	Tổ chức hoạt động TDTT ngoại khoá	20	33.30
6	Tổ chức hoạt động Đoàn	10	16.70
7	Tổ chức hoạt động văn hoá	5	8.30
8	Tham gia các hoạt động khác của cơ sở	10	16.70
9	Trực tiếp giảng dạy môn học Thể dục	16	26.70

dung nghiệp vụ chuyên môn nhiều hơn nữa.

3. Đánh giá chất lượng thực tập nghiệp vụ sư phạm

3.1. Xác định tiêu chí đánh giá chất lượng thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2

Để đánh giá chất lượng TTNVSP, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 30 cán bộ giáo viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và giáo viên các trường phổ thông về các tiêu chí có thể chọn để làm cơ sở đánh giá. Kết quả phỏng vấn được trình bày trong bảng 3.

Trong 6 tiêu chí mà chúng tôi nêu trong phiếu phỏng vấn có 2 tiêu chí được đa số người trả lời phỏng vấn lựa chọn với sự thống nhất cao là: Điểm thực tập sư phạm (100%) và đánh giá của các trường phổ thông (93.0%). Vì vậy chúng tôi quyết định chọn 2 tiêu chí này để làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng TTNVSP

Bảng 3. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá chất lượng thực tập nghiệp vụ sư phạm lần 2 (n=30)

TT	Tiêu chí	m _i	Tỷ lệ %
1	Báo cáo tổng kết của cá nhân sinh viên	15	50
2	Tỷ lệ thời gian dành cho các nội dung TTSP	22	73
3	Điểm thực tập sư phạm	30	100
4	Đánh giá của các trường phổ thông	28	93.3
5	Đánh giá của phòng GD&ĐT	20	67
6	Kết quả phỏng vấn sinh viên	18	60

của sinh viên.

Điểm thực tập là tổng hợp của tất cả các tiêu chí khi đánh giá năng lực thực tập nghiệp vụ sư phạm của SV, tất cả các tiêu chí đều qui ra thang điểm, cụ thể:

Tư cách đạo đức, ý thức kỷ luật (2 điểm):

- Chấp hành tốt quy định của Đoàn thực tập, địa phương và cơ sở.
- Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- Tác phong chững chạc, đúng mực.

- Thực hiện đúng kế hoạch thực tập đã duyệt.

- Đảm bảo giờ giấc thực tập, sinh hoạt, hội họp.

Kỹ năng giao tiếp (1,5 điểm):

- Giao tiếp, ứng xử đúng mực với mọi người.

- Phát triển mối quan hệ ngày càng tốt đẹp với lãnh đạo, giáo viên, học sinh nơi thực tập.

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt theo yêu cầu của cơ sở.

Kỹ năng giảng dạy - huấn luyện (2 điểm):

- Đảm bảo cấu trúc giờ học, giờ huấn luyện hợp lý.

- Biết phân tích, thị phạm động tác, bài tập chính xác, đẹp, biết sử dụng thiết bị hỗ trợ trong giờ dạy.

- Biết vận dụng kiến thức và lựa chọn phương pháp vào thực tế giảng dạy sáng tạo, hợp lý.

- Tổ chức, quản lý giờ học khoa học, nghiêm túc.

- Biết sửa chữa sai sót chuyên môn cho người học. Biết phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học.

Kỹ năng biên soạn tài liệu (1,5 điểm):

- Xây dựng kế hoạch thực tập đúng quy định.



Thực tập nghiệp vụ sư phạm là hoạt động giúp sinh viên làm quen với nghề sư phạm. Thông qua hoạt động thực tập sư phạm, sinh viên sẽ nhận biết rõ mình còn thiếu, yếu các kỹ năng sư phạm nào, từ đó có những biện pháp điều chỉnh phù hợp

- Biên soạn kế hoạch giảng dạy, huấn luyện, giáo án theo đúng quy định.

- Soạn thảo đúng quy trình, quy phạm các văn bản hành chính, tài liệu chuyên môn.

Kỹ năng tổ chức hoạt động ngoại khoá (1,5 điểm):

- Có tổ chức tổ chức hoạt động TDTT ngoại khoá cho cơ sở.

- Tham gia tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ sở, địa phương.

Kỹ năng tổ chức trọng tài, thi đấu (1,5 điểm):

- Nắm vững và biết vận dụng linh hoạt luật lệ, quy trình tổ chức thi đấu các môn thể thao.

- Biết tổ chức, điều hành công việc trong các cuộc thi đấu thể thao ở cơ sở.

- Biết vận dụng chính xác các điều luật vào thực

tiễn trọng tài các cuộc thi đấu thể thao ở cơ sở.

- Có tác phong chững chạc, thể hiện bản lĩnh vững vàng trong điều hành thi đấu, trọng tài các giải thể thao.

3.2. Đánh giá chất lượng thực tập nghiệp vụ sư phạm thông qua điểm thực tập của sinh viên K49, K50

Để đánh giá chất lượng TTNVSP chúng tôi đã tổng hợp, xử lý số liệu điểm thực tập của sinh viên các khóa ĐH49, ĐH50. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Tỷ lệ số sinh viên đạt từ yêu cầu trở lên chiếm 98.14 %, trong đó có 93.0% đạt loại xuất sắc, 5.14% đạt loại giỏi chiếm, 0.0% đạt loại khá và 0% đạt loại trung bình khá, yếu kém đạt 1.87%. Với tỷ lệ điểm như vậy, theo chúng tôi là phản ánh tương đối

Bảng 4. Thống kê kết quả TTNVSP lần 2 của sinh viên khoá ĐH49 và ĐH 50 Ngành GDTC

Khóa	Số lượng	Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình khá		Yếu, Kém	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
ĐH 49	297	289	97.3	2	0.67	0	0	0	0	6	2.02
ĐH 50	345	308	89.3	31	10.44	0	0	0	0	6	2.02
Tổng	642	597	93.0	33	5.14	0	0	0	0	12	1.87

**Bảng 5. Bảng đánh giá của cơ sở đối với việc thực hiện nội dung thực tập nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n= 345)**

TT	Nội dung	Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Khả năng làm việc nhóm	105	30.40	140	40.60	70	20.30	30	8.70
2	Khả năng biên soạn tài liệu giảng dạy	95	27.50	190	55.10	50	14.50	10	2.90
3	Khả năng điều hành sinh hoạt lớp	125	36.20	150	43.50	50	14.50	20	5.80
4	Khả năng soạn thảo văn bản	50	14.50	180	52.20	60	17.40	55	15.90

chính xác năng lực của sinh viên.

3.3. Đánh giá của cơ sở về việc thực hiện nội dung thực tập nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Kết quả đánh giá của cơ sở được thể hiện tại bảng 5.

Qua bảng 5 nhận thấy: Khả năng làm việc nhóm chưa thật sự tốt, khả năng biên soạn tài liệu giảng dạy của sinh viên còn hạn chế, còn khá nhiều sinh viên lúng túng khi trực tiếp tổ chức lớp và duy trì lớp học. Khả năng điều hành sinh hoạt lớp với tư cách là giáo viên chủ nhiệm còn yếu. Khả năng soạn thảo văn bản, viết báo cáo chưa đạt yêu cầu.

KẾT LUẬN

- Thực trạng kế hoạch TTNVSP của sinh viên Ngành GDTC cho thấy: TTNVSP lần 2 có vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên Ngành GDTC được tiếp cận với công việc thực tế trước khi ra trường. TTNVSP lần 2 được tiến hành vào đầu kỳ 8 với thời lượng 10 tuần. Địa bàn thực tập chủ yếu là các trường phổ thông, tuy nhiên số lượng sinh viên thực tập trên một lớp còn đông làm hạn chế chất lượng và hiệu quả của TTNVSP.

- Nội dung TTNVSP lần 2 chưa hợp lý, thời gian dự giờ quá nhiều, không tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều thời gian tiếp cận với công việc thực tế.

- Chúng tôi đã lựa chọn được 2 tiêu chí để đánh giá chất lượng TTNVSP lần 2 cho sinh viên Ngành GDTC gồm: Điểm thực tập sư phạm và Đánh giá của Trường phổ thông. Qua thực tế cho thấy, số lượng sinh viên đạt loại giỏi, xuất sắc chiếm tỷ lệ cao, đa số các cơ sở thực tập đều đánh giá sinh viên Ngành GDTC còn

hạn chế ở một số mặt như: Khả năng làm việc nhóm, khả năng biên soạn tài liệu giảng dạy, khả năng điều hành sinh hoạt lớp...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và đào tạo (1994), *Văn bản chỉ đạo công tác GDTC trong nhà trường các cấp*.
2. Bộ giáo dục và đào tạo (2002), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010*, Nxb giáo dục, Hà Nội.
3. Nguyễn Xuân Sinh (1999), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Luật giáo dục (2005).
6. Khoa Giáo dục thể chất Trường đại học TDTT Bắc Ninh, *Báo cáo tổng kết thực tập nghiệp vụ sư phạm khoá 49*.
7. Khoa Giáo dục thể chất Trường đại học TDTT Bắc Ninh, *Báo cáo tổng kết thực tập nghiệp vụ sư phạm khoá 50*.

(Bài nộp ngày 26/9/2018, Phản biện ngày 18/10/2018, duyệt in ngày 28/11/2018)